

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: **12/2020/HNGĐ-ST**

Ngày 19 – 5 -2020

“V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Anh Tuấn

2. Ông Hà Xuân Thuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa: Ông Lê Đức Thọ – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 47/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2020, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐXX - ST ngày 04 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm: 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 4, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Tám, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 4, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 02 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn T sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện P, tỉnh Bình Phước (nay là phường S, thị xã P) vào ngày 27/3/2008. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung, cãi vã thường xuyên, anh T hay uống rượu về gây gổ, dùng lời lẽ xúc

phạm chị H, giữa vợ chồng không có sự tôn trọng đối với nhau, có đôi lần anh T đánh chị H. Trước đây, chị H đã nhiều lần nộp đơn lên Tòa để yêu cầu giải quyết ly hôn với anh T nhưng vì thương con, mong muốn xây dựng gia đình hạnh phúc nên chị H đã rút đơn về để cho anh T có cơ hội sửa đổi nhưng anh T vẫn không thay đổi. Hiện nay, chị H đã dọn ra phòng trọ ở hơn ba tháng nay. Chị H nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị H yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Phước Long giải quyết cho chị H được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị H và anh T có hai người con chung là Nguyễn Lê D, sinh ngày 20/08/2009 và Nguyễn Lê Thảo Ph, sinh ngày 11/04/2017. Trong đơn khởi kiện ngày 04/02/2020 chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Tại phiên hòa giải ngày 24/02/2020 chị H đồng ý giao hai con chung cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, ngày 28/02/2020 chị H thay đổi nội dung hòa giải, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ph và giao cháu D cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Vì lý do: Cháu Nguyễn Lê Thảo Phương còn nhỏ, là con gái nên chưa tự lập được trong các vấn đề sinh hoạt cá nhân cần sự chăm sóc của người mẹ, đồng thời việc anh T nuôi hai con sẽ không đảm bảo được cho sự phát triển toàn diện của các cháu về vật chất cũng như tinh thần. Tại phiên tòa, chị H yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét cho chị được nuôi hai con chung D và Ph.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T đồng ý anh và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện P, tỉnh Bình Phước (nay là phường S, thị xã P) vào ngày 27/3/2008. Về nguyên nhân mâu thuẫn anh T thừa nhận vợ chồng cũng có cãi vã, có lần anh đánh chị H nhưng không có gì trầm trọng, anh T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc kinh tế khó khăn. Hiện anh với chị H đã ly thân 03 tháng nay. Tại buổi hòa giải ngày 24/02/2020, anh T đồng ý thuận tình ly hôn với chị H. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh T trình bày vẫn còn yêu thương vợ con, mong muốn chị H suy nghĩ lại cho anh T một cơ hội để sửa đổi xây dựng gia đình hạnh phúc.

Về con chung: Anh thống nhất trong thời gian chung sống, anh và chị H hai người con chung là Nguyễn Lê D, sinh ngày 20/08/2009 và Nguyễn Lê Thảo Ph, sinh ngày 11/04/2017. Tại buổi hòa giải ngày 24/02/2020 anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D và cháu Thảo Ph và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa anh T vẫn mong muốn Hội đồng xét xử xem xét để anh được nuôi con chung nhưng nếu chị H không đồng ý thì anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53, 56, 57; 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh T và yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Do đó, xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Trong vụ án, bị đơn có nơi cư trú tại khu phố 4, phường Long Thủy, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự .

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện P tỉnh Bình Phước (nay là phường S, thị xã P) vào ngày 27/3/2008 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 16/2008. Do vậy, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, ch H và anh T đều thừa nhận trong cuộc sống hôn nhân của vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do khó khăn về kinh tế, bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã. Hiện ch H và anh T đã sống ly thân gần ba tháng nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Tại buổi hòa giải ngày 24/02/2020 anh T trình bày nếu ch H vẫn nhất quyết ly hôn, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên anh đồng ý ly hôn với ch H và được Tòa án ghi nhận. Từ những điều trên, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa ch H và anh T đã lâm vào trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn có căn cứ nên cần được chấp nhận. Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình 2014 cho ch H được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Ch H và anh T có hai người con chung là Nguyễn Lê Dũng, sinh ngày 20/08/2009 và Nguyễn Lê Thảo Phương, sinh ngày 11/04/2017. Tại phiên hòa giải ngày 24/02/2020 ch H, anh T thống nhất giao hai cháu Dũng, Phương cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng và ch H không cấp dưỡng nuôi con chung. Tòa án đã lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24/02/2020 về các vấn đề trong vụ án, trong đó có ghi nhận sự thỏa thuận về con chung. Tuy nhiên, trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành đến ngày 28/02/2020 ch H thay đổi nội dung hòa giải về con chung: chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phương và giao cháu Dũng cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng

cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Việc thay đổi ý kiến còn trong thời hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án tiến hành tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Tuy nhiên tại phiên tòa, ch H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Dũng và cháu Phương, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu về con chung Hội đồng xét xử nhận thấy: Hiện cháu Phương đang còn nhỏ (hơn 03 tuổi), là con gái nên cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ sẽ thuận lợi hơn trong việc nuôi dưỡng cháu. Ch H có công việc, thu nhập ổn định nên giao cháu Phương cho ch H nuôi dưỡng sẽ đảm bảo được cho việc phát triển của cháu về vật chất lẫn tinh thần. Tại phiên tòa, ch H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Dũng và cháu Phương. Xét việc thay đổi yêu cầu này của nguyên đơn là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Đồng thời, xét về điều kiện kinh tế, hoàn cảnh của các bên nếu giao cả hai con chung cho anh Thoặc ch H nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của các cháu nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của ch H trong đơn đề nghị thay đổi nội dung hòa giải ngày 28/02/2020 về việc yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Lê Thảo Phương và giao cháu Nguyễn Lê Dũng cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định và tạo điều kiện thuận lợi cho việc chăm sóc các cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H, anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS 2015 và khoản 5 Điều 27 NQ số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án nguyên đơn phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 273, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 53; Điều 56, Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí -lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.
2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Lê Thảo Ph, sinh ngày 11/04/2017 cho ch H được trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Lê D, sinh ngày 20/08/2009 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu D, cháu Ph đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh T, chị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi người có yêu cầu được quy định tại Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi về việc cấp dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh T không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo Biên lai thu số 0006712 ngày 07/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 19/5/2020).

“Trường hợp Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long
- Chi cục THADS thị xã Phước Long;
- UBND phường Long Thủy ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Thị Tịnh

